**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

(Kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHNT ngày / /20….

của Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại thương)

**Tên học phần:** Phân tích và đầu tư chứng khoán (Securities Analysis and Investment)

**Mã học phần:** DTU401

**Khoa:** Tài chính Ngân hàng

**Bộ môn phụ trách:** Đầu tư chứng khoán

**Số tín chỉ:** 3

**Điều kiện tiên quyết:** Lý thuyết tài chính (TCH302)

**Thời điểm thiết kế/ban hành lần đầu:**

**Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung:**

**1. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN**

| **STT** | Tên giảng viên | **Email** | **Điện thoại** | **Nơi công tác** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | TS Đỗ Duy Kiên | doduykien.cs2@ftu.edu.vn |  | Ngoại thương CSII |

**2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên các phương pháp phân tích, định giá, và đầu tư vào cổ phiếu; các tài sản có thu nhập cố định, các tài sản phái sinh, và các loại tài sản khác. Sinh viên cần nắm được những vấn đề cơ bản về các loại cổ phiếu, trái phiếu, tài sản phái sinh, và các tài sản khác. Hiểu bản chất và quy luật vận động của giá cổ phiếu, trái phiếu, tài sản phái sinh, và các loại tài sản khác. Vận dụng những kỹ thuật và phương pháp cơ bản để xác định giá trị của cổ phiếu, trái phiếu, tài sản phái sinh, và các tài sản khác. Đây là một trong bốn nội dung cơ bản nhất của chương trình đào tạo cấp chứng chỉ Phân tích Tài chính Chuyên nghiệp (CFA) liên quan tới nội dung định giá tài sản.

**3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN**

**3.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ, trách nhiệm**

***3.1.1 Về kiến thức***

CLO1: Hiểu được những vấn đề cơ bản của đầu tư cổ phiếu;

CLO2: Áp dụng được các phương pháp định giá cổ phiếu;

CLO3: Hiểu được những vấn đề cơ bản của đầu tư chứng khoán có thu nhập cố định;

CLO4: Áp dụng được các phương pháp phân tích chứng khoán có thu nhập cố định;

CLO5: Hiểu được những vấn đề cơ bản của chứng khoán phái sinh;

CLO6: Hiểu được những vấn đề cơ bản của phân tích kỹ thuật;

***3.1.2. Về kỹ năng***

CLO7: Có kỹ năng phân tích và định giá cổ phiếu và chứng khoán có thu nhập cố định; phân tính chứng khoán phái sinh;

CLO8: Có kỹ năng công nghệ thông tin;

***3.1.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm***

CLO9: Có ý thức, có trách nhiệm với cá nhân và tập thể, chủ động lập kế hoạch học tập của cá nhân, tìm tòi, tích lũy kiến thức chuyên môn và thực hành nghề nghiệp, đánh giá, cải thiện các hoạt động;

CLO10: Có tư duy sáng tạo, năng lực dẫn dắt chuyên môn, thuyết trình và bảo vệ được quan điểm cá nhân trước tập thể, chủ động hướng dẫn, giám sát công việc của các thành viên trong nhóm để thực hiện nhiệm vụ xác định.

**3.2. Ma trận đóng góp của CĐR học phần tới CĐR của Chương trình đào tạo**

| **CĐR của Học phần** | **Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO1** | **PLO2** | **PLO3** | **PLO4** | **PLO5** | **PLO6** | **PLO7** | **PLO8** | **PLO9** | **PLO10** | **PLO11** |
| **CLO1** |  | **X** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CLO2** |  |  | **x** | **x** | **x** |  |  |  |  |  |  |
| **CLO3** |  | **X** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CLO4** |  |  | **x** | **x** | **x** |  |  |  |  |  |  |
| **CLO5** |  | **X** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CLO6** |  | **X** | **x** | **x** | **x** |  |  |  |  |  |  |
| **CLO7** |  |  |  |  | **x** |  |  |  |  |  |  |
| **CLO8** |  |  |  |  | **x** |  | **x** |  |  |  |  |
| **CLO9** |  |  |  |  |  |  |  | **x** |  |  | **x** |
| **CLO10** |  |  |  |  |  |  |  |  | **x** | **x** |  |
| **Học phần** |  | **3** | **4** | **5** | **4** |  | **5** | **4** | **4** | **4** | **4** |

**4. HỌC LIỆU**

**4.1. Giáo trình**

Bodie, Z., A. Kane, and A.J. Marcus, 2011, *Essentials of Investment 10th edition*, McGraw-Hill Irwin, Boston.

**4.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc**

\* Sách:

Bodie, Z., A. Kane, and A.J. Marcus, 2011, *Essentials of Investment 10th edition*, McGraw-Hill Irwin, Boston

\* Bài báo/tạp chí

\* Bài hội thảo/hội nghị

\* Đề tài khoa học, luận văn, luận án, kỷ yếu hội nghị

**4.3. Tài liệu tham khảo tự chọn**

\* Sách:

1. Hull, J, Options, 2011, Futures and Other Derivatives, 9th Edi, Prentice Hall.
2. Frank K. Reilly and Keith C. Brown , 2003, Investment Analysis and Portfolio Management, 7th edition, South-Western.
3. Giáo trình CFA Curriculum 2020, Level 1 Book 4 (CFA Institute)
4. Nguyễn Việt Dũng (Chủ biên) (2018), *Bất cân xứng thông tin, lợi suất kỳ vọng và mô hình định giá tài sản tại Việt Nam*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
5. Nguyễn Việt Dũng (2009), *Đầu tư cổ phiếu tại Việt Nam: Nhìn từ tác động giá của thông tin báo cáo tài chính*. NXB Thông tin và Truyền thông.

\* Bài báo/tạp chí

1. Nguyễn Việt Dũng & Nguyễn Thị Ngọc Lan (2016) Mô hình định giá tài sản với nhân tố rủi ro thông tin tại Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế & Phát triển, 232.*
2. Nguyễn Việt Dũng (2012) Áp dụng mô hình lợi nhuận thặng dư vào định giá cổ phiếu niêm yết tại Việt Nam. *Tạp chí Tài chính, 573.*
3. Nguyễn Việt Dũng (2011) Thông tin riêng và lợi suất bù rủi ro trong đầu tư cổ phiếu. *Tạp chí Kinh tế Đối ngoại, 48.*
4. Nguyễn Việt Dũng (2011) Định giá các công ty có hàm lượng R&D cao: Lý thuyết, kiểm chứng và triển vọng áp dụng tại Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế Đối ngoại, 46.*
5. Nguyễn Việt Dũng (2011) Tác động giá của thông tin phát hành thêm cổ phiếu trên TTCK Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế & Phát triển, 169.*
6. Nguyễn Việt Dũng (2009) Mối quan hệ giữa thông tin báo cáo tài chính và giá cổ phiếu: Vận dụng linh hoạt lí thuyết hiện đại vào TTCK Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, 375.*
7. Nguyễn Việt Dũng (2007) Định giá cổ phiếu: Vận dụng linh hoạt mô hình chiết khấu cổ tức vào thực tiễn TTCK Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, 350.*
8. Nguyen Viet Dung (2002) Intangible assets and valuation of high tech start-ups: the case of biotechnology firms. *Banque et Marchés (Tạp chí chuyên ngành của Hội Khoa học Tài chính Pháp – French Finance Association), 61.*

\* Bài hội thảo/hội nghị

\* Đề tài khoa học, luận văn, luận án, kỷ yếu hội nghị

**4.4. Website (nếu có)**

**5. NỘI DUNG HỌC PHẦN VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY**

**5.1. Nội dung học phần**

| **Buổi** | **Nội dung** *(có thể cụ thể đến mục cấp 2)* | **Phân bổ thời gian** | | | | **Đóng góp vào CLO** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giảng dạy trên lớp** | | **Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế**  **(3)** | **Tự học, chuẩn bị có hướng dẫn (4)** |
| **Lý thuyết**  **(thuyết giảng)**  **(1)** | **Thực hành, thảo luận**  **(2)** |
| 1-2 | Chương 1: Tổng quan thị trường tài chính | 4 | 2 | 2.5 | 13.5 | **1,3,5** |
| 3-5 | Chương 2: Phân tích đầu tư cổ phiếu | 6 | 3 | 5 | 13.5 | **1,8** |
| 6-8 | Chương 3: Mô hình định giá cổ phiếu | 6 | 3 | 5 | 15 | **2,7,8** |
| 9-11 | Chương 4: Phân tích và đầu tư trái phiếu | 6 | 3 | 5 | 13.5 | **3,8** |
| 12-13 | Chương 5: Chứng khoán phái sinh | 4 | 2 | 2.5 | 13.5 | **5,7** |
| 14-15 | Chương 6: Giới thiệu về phân tích kỹ thuật | 4 | 2 | 2.5 | 13.5 | **6,7,8** |
| **Tổng cộng (giờ)** | | **30** | **15** | **22.5** | **82.5** |  |

**5.2. Kế hoạch giảng dạy**

| **Buổi** | **Hoạt động dạy và học** | **Số giờ** | **Nội dung chính** | **Đóng góp vào CLO** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | Lý thuyết | **2** | **Chương 1. Nhập môn phân tích đầu tư chứng khoán**  1.1 Tài sản thực và tài sản tài chính  1.2 Thị trường tài chính và nền kinh tế  1.3 Thị trường chứng khoán  *Hướng dẫn sử dụng FiinPro để lấy dữ liệu phục vụ cho phân tích đầu tư chứng khoán* | **1,3,5** |
| Thực hành, thảo luận | **1** |
| Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế | **1** |  |
| Tự học, chuẩn bị có hướng dẫn | **6.5** |  |
| Kiểm tra, đánh giá | - Định nghĩa thị trường tài chính  - Phân loại thị trường tài chính  - Đặc điểm thị trường chứng khoán  - Vai trò thị trường chứng khoán  - Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán  - Các sàn giao dịch chứng khoán | |
| **2** | Lý thuyết | 2 | **Chương 1. Nhập môn phân tích đầu tư chứng khoán**  1.4 Chỉ số chứng khoán  1.5 Lý thuyết thị trường hiệu quả | **1** |
| Thực hành, thảo luận | 1 |
| Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế+++ | 1.5 |  |
| Tự học, chuẩn bị có hướng dẫn | 7 |  |
| Kiểm tra, đánh giá | - Ý nghĩa chỉ số chứng khoán  - Xây dựng chỉ số chứng khoán  - Định nghĩa thị trường hiệu quả  - Các dạng của thị trường hiệu quả  **-** Hiệu quả của các quỹ đầu tư | |
| **3** | Lý thuyết | 2 | **Chương 2. Phân tích đầu tư cổ phiếu**  2.1 Phân tích vĩ mô  2.2 Chu kỳ kinh doanh | **1** |
| Thực hành, thảo luận | 1 |  |
| Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế+++ | 2 |  |
| Tự học, chuẩn bị có hướng dẫn | 6.5 |  |
| Kiểm tra, đánh giá | - Các chỉ số kinh tế vĩ mô  - Các chỉ số kinh tế của chu kỳ kinh doanh | |
| **4** | Lý thuyết | 2 | **Chương 2. Phân tích đầu tư cổ phiếu**  2.3 Phân tích ngành | **1** |
| Thực hành, thảo luận | 1 |  |
| Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế+++ | 2 |  |
| Tự học, chuẩn bị có hướng dẫn | 7 |  |
| Kiểm tra, đánh giá | - Định nghĩa về ngành công nghiệp  - Chu kỳ kinh doanh của ngành  **-** Các bước phân tích ngành | |
| **5** | Lý thuyết | 2 | **Chương 2. Phân tích đầu tư cổ phiếu**  2.4 Phân tích báo cáo tài chính | **1,8** |
| Thực hành, thảo luận | 1 |  |
| Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế+++ | 1 |  |
| Tự học, chuẩn bị có hướng dẫn | 6.5 |  |
| Kiểm tra, đánh giá | - Báo cáo tài chính  - Bảng cân đối kế toán  - Các chỉ số đo lường lợi nhuận | |
| **6** | Lý thuyết | 2 | **Chương 3. Mô hình định giá cổ phiếu**  3.1 Giá trị nội tại và thị giá  3.2 Mô hình chiết khấu cổ tức | **2,7,8** |
| Thực hành, thảo luận | 1 |  |
| Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế+++ | 2 |  |
| Tự học, chuẩn bị có hướng dẫn | 4.5 |  |
| Kiểm tra, đánh giá | - Chính sách cổ tức  - Mô hình tăng trưởng cổ tức  - Mô hình tăng trưởng đều  - Mô hình hai giai đoạn  - Mô hình nhiều giai đoạn  - Giá trị cổ phiếu và các cơ hội đầu tư | |
| **7** | Lý thuyết | 2 | **Chương 3. Mô hình định giá cổ phiếu**  3.3 Mô hình chiết khấu dòng tiền | **2,7,8** |
| Thực hành, thảo luận | 1 |  |
| Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế+++ | 1 |  |
| Tự học, chuẩn bị có hướng dẫn | 5 |  |
| Kiểm tra, đánh giá | - Mô hình chiết khấu dòng tiền vốn chủ sở hữu (FCFE)  - Mô hình chiết khấu dòng tiền doanh nghiệp (FCFF) | |
| **8** | Lý thuyết | 2 | **Chương 3. Mô hình định giá cổ phiếu**  3.4 Định giá so sánh | **2,7,8** |
| Thực hành, thảo luận | 1 |  |
| Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế+++ | 2 |  |
| Tự học, chuẩn bị có hướng dẫn | 4.5 |  |
| Kiểm tra, đánh giá | Kiểm tra giữa kỳ nội dung Chương 1,2 và Chương 3 mục 3.1, 3.2 | |
| **9** | Lý thuyết | 2 | **Chương 4. Phân tích và đầu tư trái phiếu**  4.1 Thị trường nợ và công cụ nợ  4.2 Đặc điểm của trái phiếu  4.3 Lợi suất của trái phiếu  4.4 Giá trái phiếu theo thời gian | **3** |
| Thực hành, thảo luận | 1 |  |
| Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế+++ | 2 |  |
| Tự học, chuẩn bị có hướng dẫn | 4.5 |  |
| Kiểm tra, đánh giá | - Trái phiếu chính phủ  - Trái phiếu kho bạc, tín phiếu kho bạc  - Trái phiếu doanh nghiệp  - Phát hành trái phiếu doanh nghiệp  - Lợi suất đáo hạn  - Lợi suất thực nhận (realized compound return)  - Lợi suất tính đến khi mua lại (yield to call)  - Lợi suất đáo hạn và lợi suất kỳ nắm giữ  - Lợi suất sau thuế | |
| **10** | Lý thuyết | 2 | **Chương 4. Phân tích và đầu tư trái phiếu**  4.5 Rủi ro vỡ nợ và việc định giá trái phiếu  4.6 Cấu trúc kỳ hạn và đường cong lãi suất  4.7 Rủi ro lãi suất | **3** |
| Thực hành, thảo luận | 1 |  |
| Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế+++ | 2 |  |
| Tự học, chuẩn bị có hướng dẫn | 4.5 |  |
| Kiểm tra, đánh giá | - Các công ty định mức tín nhiệm  - Các nhóm định mức  - Các chỉ số đánh giá mức độ an toàn của trái phiếu  - Các phương pháp định giá trái phiếu  - Mối quan hệ giữa lợi suất và rủi ro lãi suất  - Lý thuyết kỳ vọng  - Thuyết bù thanh khoản  - Thuyết phân khúc thị trường | |
| **11** | Lý thuyết | 2 | **Chương 4. Phân tích và đầu tư trái phiếu**  4.8 Thời gian đáo hạn bình quân  4.9 Độ lồi của trái phiếu (convexity) | **3,8** |
| Thực hành, thảo luận | 1 |  |
| Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế+++ | 2 |  |
| Tự học, chuẩn bị có hướng dẫn | 4 |  |
| Kiểm tra, đánh giá | - Công thức tính thời gian đáo hạn bình quân của trái phiếu  - Những yếu tố quyết định thời gian đáo hạn bình quân  - Công thức tính độ lồi của trái phiếu (convexity) | |
| **12** | Lý thuyết | 2 | **Chương 5. Chứng khoán phái sinh**  5.1 Thị trường chứng khoán phái sinh  5.2 Thị trường quyền chọn (options) | **5,7** |
| Thực hành, thảo luận | 1 |  |
| Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế+++ | 1.5 |  |
| Tự học, chuẩn bị có hướng dẫn | 6.5 |  |
| Kiểm tra, đánh giá | - Đặc điểm hợp đồng quyền chọn  - Call option  - Put option  - Một số chiến lược sử dụng hợp đồng quyền chọn để điều chỉnh rủi ro | |
| **13** | Lý thuyết | 2 | **Chương 5. Phân tích đầu tư chứng khoán phái sinh**  5.3 Thị trường tương lai | **5,7** |
| Thực hành, thảo luận | 1 |  |
| Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế+++ | 1 |  |
| Tự học, chuẩn bị có hướng dẫn | 7 |  |
| Kiểm tra, đánh giá | - Đặc điểm hợp đồng tương lai  - Hợp đồng tương lai chỉ số  - Hợp đồng hoán đổi  - Một số chiến lược sử dụng hợp đồng tương lai để điều chỉnh rủi ro | |
| **14** | Lý thuyết | 2 | **Chương 6. Giới thiệu về phân tích kỹ thuật**  6.1 Những giả định về phân tích kỹ thuật  6.2 Lợi thề của phân tích kỹ thuật  6.3 Những thách thức đối với phân tích kỹ thuật | **6,7,8** |
| Thực hành, thảo luận | 1 |  |
| Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế+++ | 1.5 |  |
| Tự học, chuẩn bị có hướng dẫn | 6.5 |  |
| Kiểm tra, đánh giá | * Lý thuyết Dow * Phân tích kỹ thuật là gì? | |
| **15** | Lý thuyết | 2 | **Chương 6. Giới thiệu về phân tích kỹ thuật**  6.4 Một số quy tắc và chỉ báo của phân tích kỹ thuật | **6,7,8** |
| Thực hành, thảo luận | 1 |  |
| Tiểu luận, bài tập lớn, thực tế | 1 |  |
| Tự học, chuẩn bị có hướng dẫn | 7 |  |
| Kiểm tra, đánh giá | * Chỉ báo momentum là gì * Giá và khối lượng giao dịch có ý nghĩa như thế nào trong phân tích kỹ thuật | |

**6. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN**

***6.1. Nhiệm vụ của sinh viên***

- Nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.

- Hoàn thành các bài tập được giao.

- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

***6.2. Quy định về thi cử, học vụ***

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 75% các buổi học trên lớp.

- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

- Theo quy chế đào tạo hiện hành:

- BT có số trang vượt quá yêu cầu bị trừ 30% số điểm

- BT giống nhau đến 50% trừ 1/2 số điểm;

- BT giống nhau trên 50% bị điểm không;

- Những học viên không nhận BT, không nộp hoặc nộp chậm quá quy định đều bị điểm 0.

**7. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ**

- Thang điểm: 10.

- Các thành phần đánh giá:

| **Hình thức[[1]](#footnote-0)** | | **Nội dung đánh giá** | **Tiêu chí đánh giá** | **CLO** | **Trọng số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đánh giá quá trình** | Chuyên cần | Mức độ tham gia học trên lớp và mức độ tham gia xây dựng bài/phát biểu trên lớp | Số lần có mặt trên lớp + tham gia vào bài học | 7-10 | 10% |
| Kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ | Nội dung học hết buổi 7 hoặc 8 | Kiểm tra giữa kỳ (tối thiểu 45 phút) hoặc tiểu luận | 1-4,7-10 | 30% |
| **Đánh giá tổng kết** | Thi hết học phần | Nội dung học đến hết môn | Bài kiểm tra lý thuyết trắc nghiệm hoặc/và tự luận (tối thiểu 60 phút) | 1-10 | 60% |
|  | |  |  | **Tổng:** | **100%** |

* **Rubrics cho tiểu luận cá nhân/nhóm, bài tập lớn cá nhân/nhóm:**

| **Tiêu chí đánh giá** | **CLO** | **Trọng số** | **Thang điểm theo mức độ đáp ứng** | | | | | **Điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **F** |
| **8,5-10** | **7-8,4** | **5,5-6,9** | **4,0-5,4** | **<4** |
| Hình thức trình bày | 8 | 20% | Đẹp, đúng format, bảng biểu trình bày đẹp trích nguồn đầy đủ không lỗi chính tả | Đẹp, còn một số lỗi format bảng biểu, còn một số lỗi chính tả | Có lỗi format, bảng biểu chưa trích nguồn đầy đủ, có lỗi chính tả | Đơn điệu, nhiều lỗi format, lỗi font chữ, lỗi cách dòng, nhiều lỗi chính tả. | Cẩu thả, nhiều lỗi trình bày, không đúng format yêu cầu |  |
| Khả năng diễn đạt logic | 7 | 20% | Cách hành văn tốt, diễn đạt rõ ràng, lý luận chặt chẽ, luận điểm rõ ràng | Cách hành văn khá, đôi chỗ chưa thật logic, luận điểm rõ ràng | Cách hành văn chưa rõ ý, liên kết ý lỏng lẻo, luận điểm đôi chỗ chưa rõ ràng | Cách hành văn kém, chưa có logic giữa các phần, luận điểm mờ nhạt | Cách hành văn yếu, copy và paste các ý rời rạc |  |
| Nội dung báo cáo | 1-4 | 50% | Đáp ứng tốt các yêu cầu của báo cáo, có mở rộng nội dung phân tích, không đạo văn | Đáp ứng khá các yêu cầu của báo cáo, không mở rộng nội dung, không đạo văn | Về cơ bản đáp ứng các yêu cầu của báo cáo, thiếu một số nội dung, không đạo văn | Phân tích sơ sài, đáp ứng yêu cầu ở mức tối thiểu, không đạo văn | Lạc đề hoặc mắc lỗi đạo văn trên 20% |  |
| Tài liệu tham khảo | 8 | 10% | Phong phú đa dạng, trình bày đúng format, trích nguồn đầy đủ | Phong phú, tuy nhiên còn một số format và lỗi trích nguồn | Phù hợp, chưa được phong phú, khá nhiều lỗi format và trích nguồn | Chưa phong phú, nhiều lỗi format trích nguồn | Thiếu nhiều tài liệu tham khảo, trích nguồn sai format |  |
| Mức độ tham gia của các thành viên trong nhóm | 9,10 | Phụ thuộc vào đánh giá chéo | Tham gia tích cực, đầy đủ, chủ động hoàn thành công việc theo kế hoạch của nhóm | Tham gia khá tích cực, đầy đủ, tuy nhiên còn chậm trễ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch của nhóm | Có tham gia nhưng thiếu chủ động, chậm trễ trong việc hoàn thành nhiệm vụ | Tham gia một phần nhỏ trong các công việc của nhóm, chưa chủ động tích cực. | Không tham gia hoặc tham gia rất ít, thường xuyên trễ hạn và không có trách nhiệm |  |
| Ghi chú: Giảng viên cho các thành viên nhóm đánh giá chéo các thành viên trong nhóm trên thang điểm 10 (~tỷ trọng 100% công việc) dựa trên mức độ đóng góp của từng thành viên trong quá trình làm việc nhóm. Dựa vào kết quả đánh giá chéo của các thành viên nhóm, giảng viên sẽ điều chính tổng điểm của từng cá nhân theo mức độ tham gia của cá nhân đó trong nhóm. | | | | | | | | |

| **TRƯỞNG BỘ MÔN** | **TRƯỞNG KHOA** |
| --- | --- |

1. Ghi rõ hình thức đánh giá thường xuyên là gì. Ví dụ: Chuyên cần, trả lời câu hỏi trên lớp… [↑](#footnote-ref-0)